

Bản án số: 602/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2019
V/v: “T/c Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan

Bà Trần Thị Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:***
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019; về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 295/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hiểu T, sinh năm 1983; bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: CÔNG TY TNHH S; địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Khả T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2019, bản tự khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là ông Đặng Hiểu T, bà Nguyễn Kim Đ trình bày: Ngày 27/01/2018 ông T, bà Đ có mua sỉ mỹ phẩm từ CÔNG TY TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty) có kèm theo phiếu xuất kho. Theo chính sách đại lý của Công ty thì Công ty cam kết thu hồi sản phẩm trước hạn sử dụng 06 tháng và

hoàn tiền cho đại lý và người bán sỉ nếu họ không bán được hàng. Sau 03 tháng mua hàng, ông T, bà Đ nhận thấy sản phẩm của Công ty không phù hợp với nơi bán hàng của ông T, bà Đ, nên họ đã liên hệ với Công ty để trả lại sản phẩm và xin nhận lại tiền như Công ty đã cam kết. Đến ngày 27/3/2019 Công ty đồng ý nhận lại do hạn sử dụng in trên bao bì là đến ngày 27/8/2019 hết hạn. Ông T đem hàng tới giao lại cho Công ty vào ngày 27/3/2019, Công ty đã nhận hàng và hẹn đến ngày 27/5/2019 sẽ trả lại tiền cho ông T, bà Đ, Công ty có viết giấy nhận hàng và hẹn thanh toán: “*Từ 01 ngày đến 60 ngày*”, do ông Vũ Khả T là Giám đốc Công ty ký, số tiền hoàn lại là 12.000.000 đồng có ghi trong chi tiết đơn hàng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ Công ty tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng Công ty không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ông T, bà Đ có mua hàng mỹ phẩm từ CÔNG TY TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty) theo phiếu xuất kho ngày 27/01/2018 mà nguyên đơn nộp theo đơn khởi kiện. Hai bên giao hàng và nhận tiền mua hàng, Công ty có cam kết trả lại tiền cho ông T, bà Đ theo chính sách đối với đại lý và người mua sỉ của Công ty, nhưng do Công ty không thực hiện việc trả tiền theo cam kết và theo Giấy nhận hàng và hẹn trả tiền ngày 27/3/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty có trụ sở tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập Công ty tới Tòa án để giải quyết vụ án, do Công ty không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi được lời khai của Công ty và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Công ty không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty.

[5] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ông T, bà Đ mua hàng mỹ phẩm từ Công ty theo phiếu xuất kho ngày 27/01/2018. Hai bên giao hàng và nhận tiền mua hàng, nếu không bán được hàng thì trả lại trước khi hết hạn 06 tháng. Do ông T, bà Đ không bán được hàng, Công ty đồng ý nhận lại hàng có cam kết trả lại tiền cho ông T, bà Đ theo giấy nhận hàng và hẹn thanh toán: “*Từ 01 ngày đến 60 ngày*”, do ông Vũ Khả T là Giám đốc Công ty ký, số tiền hoàn lại là 12.000.000 đồng có ghi trong chi tiết đơn hàng, nhưng do Công ty không thực hiện việc trả tiền theo cam kết và theo Giấy nhận hàng và hẹn trả tiền ngày 27/3/2019. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia tố tụng để làm rõ việc này, nhưng Công ty không tới Tòa án, Hội đồng xét xử cho rằng bị đơn đã thừa nhận việc này và không cần tới Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Như vậy, việc Công ty còn chưa trả ông T, bà Đ tiền là số tiền 12.000.000 đồng là có thật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty phải trả đủ ông T, bà Đ số tiền 12.000.000 đồng, trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn không phải chịu án phí vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, hoàn lại cho ông T, bà Đ số tiền 300.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2019/0001304 ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

[9] Công ty phải chịu án phí: 12.000.000 đ x 5% = 600.000 đồng.

[10] Hội đồng xét xử đã thống nhất theo nội dung trình bày trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 158, Điều 163, khoản 1 Điều 166, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

CÔNG TY TNHH S phải trả lại ông Đặng Hiểu T, bà Nguyễn Kim Đ số tiền 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng) là tiền mà CÔNG TY TNHH S cam kết trả lại ông T, bà Định theo Giấy nhận lại hàng và hẹn trả tiền ngày 27 tháng 3 năm 2019.

Kể từ khi ông T, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu CÔNG TY TNHH S chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng CÔNG TY TNHH S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, hoàn lại cho ông Đặng Hiểu T, bà Nguyễn Kim Đ số tiền 300.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2019/0001304 ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

CÔNG TY TNHH S phải chịu án phí 600.000 đ (sáu trăm ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Hoàng Thế Viễn